

## Phân phối chương trình môn Toán lớp 2 sách Kết nối tri thức với cuộc sống

Tuần	Tiết	Tên bài	Trang	
	<b>CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG</b>			
<b>Tuần 1</b>	<b>Bài 1: Ôn tập các số đến 100 (3 tiết)</b>			
	1	Luyện tập	6, 7	
	2	Luyện tập	7, 8	
	3	Luyện tập	8, 9	
	<b>Bài 2: Tia số. Số liền trước, số liền sau (2 tiết)</b>			
	4	Tia số. Số liền trước, số liền sau	10, 11	
	5	Luyện tập	11, 12	
<b>Tuần 2</b>	<b>Bài 3: Các thành phần của phép cộng, phép trừ (3 tiết)</b>			
	6	Số hạng. Tổng	13	
	7	Số bị trừ, số trừ, hiệu.	14	
	8	Luyện tập	15	
	<b>Bài 4: Hơn kém nhau bao nhiêu (2 tiết)</b>			
	9	Hơn, kém nhau bao nhiêu	16, 17	
	10	Luyện tập	17, 18	
<b>Tuần 3</b>	<b>Bài 5: Ôn tập phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100 (3 tiết)</b>			
	11	Luyện tập	19, 20	
	12	Luyện tập	20, 21	
	13	Luyện tập	21, 22	
	<b>Bài 6: Luyện tập chung (2 tiết)</b>			
	14	Luyện tập	23, 24	
	15	Luyện tập	24, 25	

<b>Tuần 4</b>	<b>CHỦ ĐỀ 2: PHÉP CỘNG PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 20</b>		
	<b>Bài 7: Phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20 (5 tiết)</b>		
	16	Phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20	26, 27
	17	Luyện tập	28, 29
	18	Luyện tập	29, 30
	19	Luyện tập	30, 31
<b>Tuần 5</b>	20	Luyện tập	32
	<b>Bài 8: Bảng cộng (qua 10) (2 tiết)</b>		
	21	Bảng cộng (qua 10)	33, 34
	22	Luyện tập	34, 35
	<b>Bài 9: Bài toán về thêm, bớt một số đơn vị (3 tiết)</b>		
	23	Giải bài toán về thêm một số đơn vị	36
24	Giải bài toán về bớt một số đơn vị	37	
25	Luyện tập	37	
<b>Tuần 6</b>	<b>Bài 10: Luyện tập chung (2 tiết)</b>		
	26	Luyện tập	38, 39
	27	Luyện tập	39, 40
	<b>Bài 11: Phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20 (4 tiết)</b>		
	28	Phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20	41, 42
	29	Luyện tập	43, 44
<b>Tuần 7</b>	30	Luyện tập	45
	31	Luyện tập	46
	<b>Bài 12: Bảng trừ (qua 10) (2 tiết)</b>		
	32	Bảng trừ (qua 10)	47, 48
	33	Luyện tập	49
	<b>Bài 13: Bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị (3 tiết)</b>		
34	Giải bài toán về nhiều hơn một số đơn vị	50, 51	

	35	Giải bài toán về ít hơn một số đơn vị	51	
<b>Tuần 8</b>	36	Luyện tập	52	
	<b>Bài 14: Luyện tập chung (3 tiết)</b>			
	36	Luyện tập	53, 54	
	37	Luyện tập	54	
	38	Luyện tập	55, 56	
	<b>CHỦ ĐỀ 3: LÀM QUEN VỚI KHỐI LƯỢNG, DUNG TÍCH</b>			
	<b>Bài 15: Ki - lô- gam (3 tiết)</b>			
	39	Nặng hơn, nhẹ hơn	57, 58	
<b>Tuần 9</b>	40	Ki - lô- gam	59, 60	
	41	Luyện tập	61	
	<b>Bài 16: Lít (2 tiết)</b>			
	42	Lít	62, 63	
	43	Luyện tập	64, 65	
	<b>Bài 17: Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị Ki - lô - gam, Lít (2 tiết)</b>			
	44	Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị Ki - lô - gam, Lít	66, 67	
<b>Tuần 10</b>	45	Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị Ki - lô - gam, Lít (tiếp)	68, 69	
	<b>Bài 18: Luyện tập chung (1 tiết)</b>			
	46	Luyện tập chung	70, 71	
	<b>CHỦ ĐỀ 4: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100</b>			
	<b>Bài 19: Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số (3 tiết)</b>			
	47	Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số	72, 73	
	48	Luyện tập	73, 74	
	49	Luyện tập	74, 75	
<b>Tuần 11</b>	<b>Bài 20: Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có hai chữ số (4 tiết)</b>			

	50	Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có hai chữ số	76	
	51	Luyện tập	77, 78	
	52	Luyện tập	78	
	53	Luyện tập	79	
	<b>Bài 21: Luyện tập chung (2 tiết)</b>			
	54	Luyện tập	80, 81	
<b>Tuần 12</b>	55	Luyện tập	81, 82	
	<b>Bài 22: Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số (4 tiết)</b>			
	56	Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số	83, 84	
	57	Luyện tập	84, 85	
	58	Luyện tập	86	
	59	Luyện tập	87, 88	
<b>Tuần 13</b>	<b>Bài 23: Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có hai chữ số (5 tiết)</b>			
	60	Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có hai chữ số	89, 90	
	61	Luyện tập	90, 91	
	62	Luyện tập	91, 92	
	63	Luyện tập	92, 93	
	64	Luyện tập	93, 94	
<b>Tuần 14</b>	<b>Bài 24: Luyện tập chung (2 tiết)</b>			
	65	Luyện tập	95, 96	
	66	Luyện tập	96, 97	
	<b>CHỦ ĐỀ 5: LÀM QUEN VỚI HÌNH PHẪNG</b>			
	<b>Bài 25: Điểm, đoạn thẳng, đường thẳng, đường cong, ba điểm thẳng hàng (2 tiết)</b>			
	67	Điểm, đoạn thẳng	98, 99	

	68	Đường thẳng, đường cong, ba điểm thẳng hàng	100, 101	
	<b>Bài 26: Đường gấp khúc. Hình tứ giác (2 tiết)</b>			
	69	Đường gấp khúc. Hình tứ giác	102, 103	
<b>Tuần 15</b>	70	Luyện tập	104, 105	
	<b>Bài 27: Thực hành gấp, cắt, ghép, xếp hình. Vẽ đoạn thẳng (2 tiết)</b>			
	71	Thực hành gấp, cắt, ghép, xếp hình	106, 107	
	72	Vẽ đoạn thẳng	108, 109	
	<b>Bài 28: Luyện tập chung (1 tiết)</b>			
	73	Luyện tập	110, 111	
	<b>CHỦ ĐỀ 6: NGÀY - GIỜ, GIỜ - PHÚT, NGÀY - THÁNG</b>			
	<b>Bài 29: Ngày - giờ, giờ - phút (2 tiết)</b>			
	74	Ngày - giờ, giờ - phút	112, 113	
<b>Tuần 16</b>	75	Xem đồng hồ	114, 115	
	<b>Bài 30: Ngày - tháng (2 tiết)</b>			
	76	Ngày - tháng	116, 117	
	77	Luyện tập	117, 118	
	<b>Bài 31: Thực hành và trải nghiệm xem đồng hồ, xem lịch (2 tiết)</b>			
	78	Thực hành và trải nghiệm xem đồng hồ, xem lịch	119, 120	
	79	Thực hành và trải nghiệm xem đồng hồ, xem lịch (tiếp)	121	
<b>Tuần 17</b>	<b>Bài 32: Luyện tập chung (1 tiết)</b>			
	80	Luyện tập	122, 123	
	<b>CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I</b>			
	<b>Bài 33: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20, 100 (4 tiết)</b>			
	81	Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20	124, 125	
	82	Luyện tập	125, 126	

	83	Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100	126, 127	
	84	Luyện tập	128	
<b>Tuần 18</b>	<b>Bài 34: Ôn tập hình phẳng (2 tiết)</b>			
	85	Luyện tập	129, 130	
	86	Luyện tập	130, 131	
	<b>Bài 35: Ôn tập đo lường (2 tiết)</b>			
	87	Luyện tập	132, 133	
	88	Luyện tập	133, 134	
	<b>Bài 36: Ôn tập chung (2 tiết)</b>			
	89	Luyện tập	135, 136	
<b>Tuần 19</b>		90	Luyện tập	136, 137
	<b>CHỦ ĐỀ 8: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA</b>			
	<b>Bài 37: Phép nhân (2 tiết)</b>			
		91	Phép nhân	4, 5
		92	Luyện tập	6
	<b>Bài 38: Thừa số, tích (2 tiết)</b>			
		93	Thừa số, tích	7
	94	Luyện tập	8	
<b>Tuần 20</b>	<b>Bài 39: Bảng nhân 2 (2 tiết)</b>			
		95	Bảng nhân 2	9, 10
		96	Luyện tập	10, 11
	<b>Bài 40: Bảng nhân 5 (2 tiết)</b>			
		97	Bảng nhân 5	12, 13
		98	Luyện tập	13, 14
	<b>Bài 41: Phép chia (2 tiết)</b>			
	99	Phép chia	15, 16	

<b>Tuần 21</b>	100	Luyện tập	16, 17	
	<b>Bài 42: Số bị chia, số chia, thương (2 tiết)</b>			
	101	Số bị chia, cổ chia, thương.	18, 19	
	102	Luyện tập	19, 20	
	<b>Bài 43: Bảng chia 2 (2 tiết)</b>			
	103	Bảng chia 2	21, 22	
	104	Luyện tập	22, 23	
<b>Tuần 22</b>	<b>Bài 44: Bảng chia 5 (2 tiết)</b>			
	105	Bảng chia 5	24, 25	
	106	Luyện tập	25, 26	
	<b>Bài 45: Luyện tập chung (5 tiết)</b>			
	107	Luyện tập	27, 28	
	108	Luyện tập	28, 29	
	109	Luyện tập	29, 30	
<b>Tuần 23</b>	110	Luyện tập	30.31	
	111	Luyện tập	32, 33	
	<b>CHỦ ĐỀ 9: LÀM QUEN VỚI HÌNH KHỐI</b>			
	<b>Bài 46: Khối trụ, khối cầu (2 tiết)</b>			
	112	Khối trụ, khối cầu	34, 35	
	113	Luyện tập	35, 36	
	<b>Bài 47: Luyện tập chung (2 tiết)</b>			
	114	Luyện tập	37, 38	
<b>Tuần 24</b>	115	Luyện tập	38, 39	
	<b>CHỦ ĐỀ 10: CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1000</b>			
	<b>Bài 48: Đơn vị, chục, trăm, nghìn (2 tiết)</b>			
	116	Đơn vị, chục, trăm, nghìn	40, 41	
	117	Luyện tập	41, 42	

	<b>Bài 49: Các số tròn trăm, tròn chục (2 tiết)</b>		
	118	Các số tròn trăm	43, 44
	119	Các số tròn chục	45, 46
<b>Tuần 25</b>	<b>Bài 50: So sánh các số tròn trăm, tròn chục (2 tiết)</b>		
	120	So sánh các số tròn trăm, tròn chục	47, 48
	121	Luyện tập	48, 49
	<b>Bài 51: Số có ba chữ số (3 tiết)</b>		
	122	Số có ba chữ số	50, 51
	123	Luyện tập	51, 52, 53
	124	Luyện tập	53, 54
<b>Tuần 26</b>	<b>Bài 52: Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị (2 tiết)</b>		
	125	Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị	55, 56
	126	Luyện tập	56, 57
	<b>Bài 53: So sánh các số có ba chữ số (2 tiết)</b>		
	127	So sánh các số có ba chữ số	58, 59
	128	Luyện tập	59, 60
	<b>Bài 54: Luyện tập chung (2 tiết)</b>		
	129	Luyện tập	61, 62
<b>Tuần 27</b>	130	Luyện tập	63, 64
	<b>CHỦ ĐỀ 11: ĐỘ DÀI VÀ ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI. TIỀN VIỆT NAM</b>		
	<b>Bài 55: Đề - xi - mét. Mét. Ki-lô-mét (2 tiết)</b>		
	131	Đề - xi - mét. Mét	65, 66
	132	Luyện tập	67, 68
	133	Ki-lô-mét	69, 70
	<b>Bài 56: Giới thiệu Tiền Việt Nam (1 tiết)</b>		
	134	Giới thiệu Tiền Việt Nam	71, 72
<b>Tuần 28</b>	<b>Bài 57: Thực hành và trải nghiệm đo độ dài. (2 tiết)</b>		



	135	Thực hành và trải nghiệm đo độ dài.	73	
	136	Thực hành và trải nghiệm đo độ dài (tiếp)	74	
	<b>Bài 58: Luyện tập chung (1 tiết)</b>			
	137	Luyện tập	75, 76	
	138	Luyện tập	76, 77, 78	
	<b>CHỦ ĐỀ 12: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1000</b>			
	<b>Bài 59: Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000 (2 tiết)</b>			
	139	Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000	79, 80	
<b>Tuần 29</b>	140	Luyện tập	81, 82	
	<b>Bài 60: Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000 (3 tiết)</b>			
	141	Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000	83, 84	
	142	Luyện tập	84, 85	
	143	Luyện tập	85, 86	
	<b>Bài 61: Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000 (3 tiết)</b>			
	144	Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000	87, 88	
<b>Tuần 30</b>	145	Luyện tập	88, 89	
	146	Luyện tập	89, 90	
	<b>Bài 62: Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000 (4 tiết)</b>			
	147	Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000	91, 92	
	148	Luyện tập	92, 93	
	149	Luyện tập	94, 95	
<b>Tuần 31</b>	150	Luyện tập	95, 96	
	<b>Bài 63: Luyện tập chung (2 tiết)</b>			
	151	Luyện tập	97	
	152	Luyện tập	98, 99	
	<b>CHỦ ĐỀ 13: LÀM QUEN VỚI YẾU TỐ THỐNG KÊ, XÁC SUẤT</b>			
<b>Bài 64: Thu thập, phân loại, kiểm đếm số liệu (1 tiết)</b>				

	153	Thu thập, phân loại, kiểm đếm số liệu	100, 101	
	<b>Bài 65: Biểu đồ tranh (2 tiết)</b>			
	154	Biểu đồ tranh	102, 103	
<b>Tuần 32</b>	155	Luyện tập	104, 105	
	<b>Bài 66: Chắc chắn, có thể, không thể (1 tiết)</b>			
	156	Chắc chắn, có thể, không thể	106, 107	
	<b>Bài 67: Thực hành và trải nghiệm thu thập, phân loại, kiểm đếm số liệu (1 tiết)</b>			
	157	Thực hành và trải nghiệm thu thập, phân loại, kiểm đếm số liệu	108, 109	
	<b>CHỦ ĐỀ 14: ÔN TẬP CUỐI NĂM</b>			
	<b>Bài 68: Ôn tập các số trong phạm vi 1000 (1 tiết)</b>			
	158	Luyện tập	110, 111	
	159	Luyện tập	111, 112	
<b>Tuần 33</b>	<b>Bài 69: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100 (3 tiết)</b>			
	160	Luyện tập	113, 114	
	161	Luyện tập	114, 115	
	162	Luyện tập	115, 116	
	<b>Bài 70: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000 (3 tiết)</b>			
	163	Luyện tập	117, 118	
	164	Luyện tập	119, 120	
<b>Tuần 34</b>	165	Luyện tập	120, 121	
	<b>Bài 71: Ôn tập phép nhân, phép chia (3 tiết)</b>			
	166	Luyện tập	122, 123	
	167	Luyện tập	123, 124	
	168	Luyện tập	125, 126	
	<b>Bài 72: Ôn tập hình học (2 tiết)</b>			
169	Luyện tập	127, 128		

<b>Tuần 35</b>	170	Luyện tập	129, 130	
	<b>Bài 73: Ôn tập đo lường (2 tiết)</b>			
	171	Luyện tập	131, 132	
	172	Luyện tập	132, 133	
	<b>Bài 74: Ôn tập kiểm đếm số liệu và lựa chọn khả năng (1 tiết)</b>			
	173	Luyện tập	134, 135	
	<b>Bài 75: Ôn tập chung (2 tiết)</b>			
	174	Luyện tập	136, 137	
	175	Luyện tập	137, 138	

## Phân phối chương trình môn Tiếng Việt lớp 2

### Phân phối chương trình môn Tiếng Việt 2 học kì 1

Tuần	Tiết	Tên chủ đề	Bài học	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức	Ghi chú
1	1, 2, 3, 4	EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY	Bài 1. TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2	<p>Giúp học sinh:</p> <p>1.a. Đọc đúng các tiếng có âm dễ lẫn do ảnh hưởng của phát âm địa phương. Bước đầu biết đọc đúng lời kể chuyện và lời nói trực tiếp của nhân vật được đặt trong dấu ngoặc kép với ngữ liệu phù hợp.</p> <p>b. Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện Tôi là học sinh lớp 2. Hiểu được cảm xúc háo hức, vui vẻ của bạn học sinh trong ngày khai giảng năm học lớp 2.</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa A (chữ cỡ vừa và cỡ nhỏ); viết câu ứng dụng Ánh nắng tràn ngập sân trường.</p>		

			<p>3. Nhận biết được các sự việc trong tranh minh họa về kì nghỉ hè của các bạn nhỏ; nói được điều đáng nhớ trong kì nghỉ hè của mình.</p> <p>4.a. Hình thành và phát triển năng lực văn học (nhận biết được nhân vật, hiểu được diễn biến các sự việc diễn ra trong câu chuyện).</p> <p>b. Có cảm xúc hãnh diện, tự hào khi trở thành học sinh lớp 2; có tình cảm thân thiết, quý mến đối với bạn bè; có niềm vui đến trường; có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.</p>		
1, 2, 3, 4, 5, 6		Bài 2: NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI?	<p>Giúp học sinh:</p> <p>1.a. Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Ngày hôm qua đâu rồi?, biết ngắt đúng nhịp thơ, nhấn giọng phù hợp.</p> <p>b. Trả lời được các câu hỏi có liên quan tới bài đọc. Tự tìm đọc một bài thơ yêu thích theo chủ đề; chia sẻ với người khác tên bài thơ, tên nhà thơ và những câu thơ em thích. Học thuộc lòng hai khổ thơ em thích. Học thuộc tên các chữ cái trong bảng chữ cái.</p> <p>2. Viết chính tả một đoạn ngắn theo hình thức nghe – viết và hoàn thành bài tập chính tả âm vần. Viết được hai đến ba câu tự giới thiệu về bản thân.</p> <p>3. Biết chia sẻ những trải nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc có liên quan đến văn bản đọc; trao đổi về nội dung của bài thơ và các chi tiết trong tranh.</p>		

			<p>4. Phát triển vốn từ chỉ người, chỉ vật; phát triển kĩ năng đặt câu giới thiệu về bản thân.</p> <p>5. Biết quý trọng thời gian, yêu lao động, hình thành năng lực tự chủ trong học tập và sinh hoạt. Có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc; phát triển năng lực quan sát: tranh, ảnh; quan sát hệ thống ngôn từ trong văn bản đọc.</p>		
2	1, 2, 3, 4	Bài 3: NIỀM VUI CỦA BI VÀ BỔNG	<p>Giúp học sinh:</p> <p>1.a. Đọc đúng các từ khó, biết cách đọc các lời nói, lời đối thoại của các nhân vật trong bài Niềm vui của Bi và Bống. Hiểu được nội dung câu chuyện và tình cảm giữa hai anh em Bi và Bống.</p> <p>b. Quan sát tranh và nhận ra được các chi tiết trong tranh. (Bức tranh thể hiện khung cảnh câu chuyện: Cầu vồng hiện ra, hai anh em vui sướng khi nhìn thấy cầu vồng và cùng mơ ước).</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa Ă, Â; viết câu ứng dụng: Ăn quả nhớ người trồng cây.</p> <p>3. Biết trao đổi về nội dung của văn bản và các chi tiết trong tranh, đặc biệt ở mục Nói và nghe (HS kể lại câu chuyện Niềm vui của Bi và Bống). Biết dựa vào tranh và lời gợi ý dưới tranh để kể lại 1 – 2 đoạn trong câu chuyện.</p> <p>4. Hình thành và phát triển năng lực văn học (cảm nhận được ý nghĩa câu</p>		

			<p>chuyện).</p> <p>5. Có tình cảm thương yêu đối với người thân, biết quan tâm đến người thân; biết ước mơ và luôn lạc quan; có khả năng làm việc nhóm.</p>		
1, 2, 3, 4, 5, 6		Bài 4: LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI	<p>1.a. Đọc đúng, rõ ràng bài đọc Làm việc thật là vui, biết ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp.</p> <p>b. Trả lời được các câu hỏi có liên quan đến bài đọc. Tự tìm đọc các bài viết về những hoạt động của thiếu nhi; trao đổi, chia sẻ với các bạn về bài đã đọc: tên tác giả, tên bài đọc và những hình ảnh, chi tiết, nhân vật em thích.</p> <p>2. Viết chính tả một đoạn ngắn theo hình thức nghe – viết và hoàn thành bài tập chính tả; ghi nhớ được chữ cái và tên chữ cái trong bảng chữ cái; biết vận dụng trong cuộc sống những kiến thức đã học. Viết được hai đến ba câu kể về một việc em đã làm ở nhà.</p> <p>3. Biết chia sẻ những trải nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc có liên quan đến bài đọc; trao đổi về nội dung của bài đọc và các chi tiết trong tranh.</p> <p>4. Phát triển vốn từ chỉ hoạt động, chỉ sự vật (những từ ngữ chỉ đồ vật trong nhà); phát triển kĩ năng đặt câu giới thiệu việc làm mình yêu thích.</p> <p>5. Biết quý trọng thời gian, yêu lao động, hình thành năng lực tự chủ trong học tập và sinh hoạt. Có khả</p>		

				năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc. Biết chia sẻ, hòa đồng với mọi người. Phát triển năng lực quan sát.		
3	1, 2, 3, 4	2. Mái ấm gia đình	Bài 5: EM CÓ XINH KHÔNG?	<p>Giúp học sinh:</p> <p>1.a. Đọc đúng các tiếng dễ đọc sai, lẫn do ảnh hưởng của các phát âm địa phương (VD: xinh, hươu, đôi sừng, đi tiếp, bộ râu, gương...), bước đầu biết cách đọc lời đối thoại của các nhân vật trong bài Em có xinh không?.</p> <p>b. Nhận biết một số loài vật qua bài đọc, nhận biết được các nhân vật, sự việc và những chi tiết trong diễn biến câu chuyện (chuyện voi em đi tìm và tìm thấy sự tự tin ở chính bản thân mình). Nhận biết được thông điệp mà tác giả muốn nói với người đọc.</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa B cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng Bạn bè chia ngọt sẻ bùi.</p> <p>3. Biết dựa vào tranh và những gợi ý để nói về các nhân vật, sự việc trong tranh. Biết chọn và kể lại 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn mỗi đoạn của câu chuyện trong bài đọc) và kể với người thân về nhân vật voi em trong câu chuyện.</p> <p>4. Có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm; có sự tự tin vào chính bản thân mình.</p>		

1, 2,  
3, 4,  
5, 6

Bài 6:  
MỘT GIỜ  
HỌC

Giúp học sinh:

1. Đọc đúng các từ ngữ, đọc rõ ràng câu chuyện Một giờ học; bước đầu biết đọc lời nhân vật với ngữ điệu phù hợp. Chú ý cách đọc ngắt hơi, nghỉ hơi ở những lời nói thể hiện sự lúng túng của nhân vật Quang (VD: À... ở... Em ngủ dậy.). Hiểu nội dung bài đọc: Từ câu chuyện và tranh minh họa, nhận biết được sự thay đổi của nhân vật Quang từ rụt rè, xấu hổ đến tự tin.

2.a. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn bài Một giờ học; biết trình bày tên bài và đoạn văn; biết viết hoa chữ cái đầu tên truyện, đầu câu.

b. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt chữ cái và tên chữ cái từ số thứ tự 20 đến 29; thuộc tên các chữ cái và biết sắp xếp chúng theo thứ tự bảng chữ cái (từ: pê, quy,... đến ích-xì, i dài)

3.a. Phát triển vốn từ chỉ đặc điểm; bước đầu biết đặt câu, nêu đặc điểm ngoại hình của một bạn trong lớp.

b. Viết được ba đến bốn câu kể về những việc em thường làm trước khi đi học.

4. Tìm đọc được một bài thơ/ câu chuyện/ bài báo về trẻ em làm việc nhà.

5. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ và văn học trong việc kể về một hoạt động gắn với trải nghiệm của học sinh; có ý thức rèn luyện phẩm chất tự tin, mạnh dạn trong giao tiếp.



4	1, 2, 3, 4	Bài 7: CÂY XẤU HỔ	<p>Giúp HS :</p> <p>1.a. Đọc đúng các tiếng dễ đọc sai, lẫn do ảnh hưởng của các phát âm địa phương (VD: nổi lên, co rúm, xung quanh, xôn xao, quả nhiên, cành thanh mai, xuýt xoa, tiếc, con chim xanh, trở lại...), biết cách đọc đúng lời người kể chuyện trong bài Cây xấu hổ với ngữ điệu phù hợp.</p> <p>b. Nhận biết về đặc điểm của loài cây xấu hổ qua bài đọc và tranh minh họa, nhận biết được các nhân vật, sự việc và những chi tiết trong diễn biến câu chuyện (thấy tiếng động, cây xấu hổ co rúm mình, nhắm mắt lại nhưng đã phải hối tiếc vì không thể nhìn thấy một con chim xanh rất đẹp),...</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa C cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng Có công mài sắt, có ngày nên kim.</p> <p>3. Biết dựa vào tranh và những gợi ý để nói về các nhân vật, sự việc trong tranh. Biết chọn và kể lại được 1 – 2 đoạn của câu chuyện Chú đỗ con theo tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn mỗi đoạn của câu chuyện trong bài đọc) và kể với người thân về hành trình hạt đỗ trở thành cây đỗ.</p> <p>4. Có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm; có sự tự tin vào chính bản thân mình.</p>		
	1, 2, 3, 4, 5, 6	Bài 8: CẦU THỦ DỰ BỊ	Giúp HS:		

				<p>1. Đọc đúng, rõ ràng câu chuyện Cầu thủ dự bị; biết phân biệt lời của người kể chuyện với lời của các nhân vật (gấu con, khi, các con vật khác); tốc độ đọc khoảng 45 – 50 tiếng/phút; hiểu được ý nghĩa của câu chuyện (nhờ kiên trì luyện tập, gấu con từ chỗ đá bóng chưa giỏi, chỉ được làm cầu thủ dự bị, đã đá bóng giỏi và trở thành cầu thủ chính thức.).</p> <p>2. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn ngắn trong bài Cầu thủ dự bị; biết viết chữ viết hoa đầu câu và biết đặt đúng dấu phẩy, dấu chấm; làm đúng các bài tập chính tả viết hoa tên người.</p> <p>3.a. Phát triển vốn từ chỉ sự vật (dụng cụ thể thao), tên gọi các trò chơi dân gian, đặt câu nêu hoạt động.</p> <p>b. Biết viết đoạn văn 3 – 4 câu kể về một hoạt động thể thao hoặc một trò chơi đã tham gia.</p> <p>4. Đọc mở rộng một bài viết về hoạt động thể thao và kể lại điều thú vị đã đọc được trong bài viết.</p> <p>5. Hiểu được kết quả tốt đẹp của đức tính kiên trì, có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân, khả năng làm việc nhóm.</p>		
5	1, 2, 3, 4	ĐI HỌC VUI SAO	Bài 9: CÔ GIÁO LỚP EM	<p>Giúp HS:</p> <p>1.a. Đọc đúng, rõ ràng các từ dễ lẫn do ảnh hưởng của phát âm địa phương; biết cách đọc bài thơ Cô</p>		

			<p>giáo lớp em với giọng nhẹ nhàng, trìu mến.</p> <p>b. Nhận biết được các từ gợi tả, gợi cảm trong bài thơ. Hiểu nội dung bài thơ là những suy nghĩ, tình cảm của một học sinh đối với cô giáo của mình.</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa D cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng Dung dăng dung dề/ Dắt trẻ đi chơi.</p> <p>3. Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện Cậu bé ham học; kể lại được 1 – 2 đoạn câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện).</p> <p>4.a. Hình thành và phát triển năng lực văn học (biết liên tưởng, tưởng tượng để cảm nhận được vẻ đẹp của hình ảnh cô giáo trong bài thơ).</p> <p>b. Bồi dưỡng tình cảm yêu quý, kính trọng đối với thầy cô giáo; cảm nhận được niềm vui đến trường; có khả năng làm việc nhóm.</p>		
1, 2, 3, 4, 5, 6		Bài 10: THỜI KHÓA BIỂU	<p>Giúp HS :</p> <p>1.a. Đọc đúng các từ khó, đọc rõ ràng danh sách học sinh, biết cách đọc các cột theo cột, hàng ngang từ trái qua phải; biết nghỉ hơi sau khi đọc xong từng cột, từng dòng.</p> <p>b. Hiểu nội dung thông tin trong từng cột, từng hàng và toàn bộ danh sách. Hiểu các sắp xếp nội dung trong thời khóa biểu.</p>		

				<p>2. Nghe – viết đúng chính tả bài Thời khóa biểu (từ đầu đến thứ - buổi - tiết - môn); trình bày đúng đoạn văn, biết viết hoa chữ cái đầu câu. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt ch/tr; v/d.</p> <p>3. Phát triển vốn từ ngữ chỉ sự vật (các đồ vật HS thường có hoặc thường thấy ở trường, lớp), từ ngữ chỉ hoạt động (hoạt động của học sinh ở trường), đặt được câu nêu hoạt động. Biết lập thời gian biểu theo mẫu.</p> <p>4. Đọc bảng tin của nhà trường và biết chia sẻ với các bạn thông tin mà em đọc được.</p> <p>5. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong việc kể về các hoạt động trong ngày của em.</p>		
6	1, 2, 3, 4		<p>Bài 11: CÁI TRỐNG TRƯỜNG EM</p>	<p>Giúp HS:</p> <p>1.a. Đọc đúng các từ dễ đọc sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, đọc rõ ràng một bài thơ bốn chữ, biết cách ngắt nhịp thơ.</p> <p>b. Hiểu và nắm được nội dung bài thơ Cái trống trường em; nhận biết được các sự việc trong bài thơ. Hiểu được tình cảm gắn bó, thân thiết của các bạn học sinh với trống trường.</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa Đ cỡ vừa và cỡ nhỏ, viết câu ứng dụng Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.</p>		

			<p>3. Nhận biết được các sự việc trong tranh minh họa phần nói và nghe, dựa vào tranh và lời gợi ý để nói cảm nhận của bản thân về trường mình.</p> <p>4.a. Hình thành và phát triển năng lực văn học (hiểu được các từ ngữ gợi tả, gợi cảm, cảm nhận được tình cảm của các nhân vật qua nghệ thuật nhân hóa trong bài thơ); phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong việc nói về tình cảm, thái độ và mong muốn của bản thân.</p> <p>b. Bồi dưỡng tình cảm thương yêu, gắn bó đối với trường học; cảm nhận được niềm vui đến trường; có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.</p>		
1, 2, 3, 4, 5, 6		Bài 12: DANH SÁCH HỌC SINH	<p>Giúp HS:</p> <p>1.a. Đọc đúng các từ khó, đọc rõ ràng danh sách học sinh, biết cách đọc các cột theo hàng ngang từ trái qua phải; biết nghỉ hơi sau khi đọc xong từng cột, từng dòng.</p> <p>b. Hiểu nội dung thông tin trong từng cột, từng hàng và toàn bộ danh sách. Hiểu cách sắp xếp danh sách học sinh theo bảng chữ cái.</p> <p>2.a. Nghe – viết đúng chính tả bài Cái trống trường em (từ Buồn không hả trống đến Tùng! Tùng! Tùng!); trình bày đúng khổ thơ, biết viết hoa chữ cái đầu tên bài thơ và đầu các dòng thơ.</p> <p>b. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt c/k; s/x (hoặc tiếng có dấu hỏi hoặc dấu ngã).</p>		

			<p>3.a. Phát triển vốn từ chỉ sự vật (các đồ vật học sinh thường có hoặc thường thấy ở trường, lớp), đặt được câu nêu đặc điểm của đồ vật.</p> <p>b. Biết lập danh sách học sinh theo mẫu.</p> <p>4. Tìm đọc mở rộng được bài thơ, câu chuyện hoặc bài báo viết về thầy cô.</p> <p>5. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong việc kể, tả về đặc điểm của các sự vật quen thuộc, gần gũi ở xung quanh.</p>	
7	1, 2, 3, 4	Bài 13: YÊU LẮM TRƯỜNG OI!	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng từ ngữ, đọc rõ ràng bài thơ Yêu lắm trường ơi!, ngữ điệu phù hợp với cảm xúc yêu thương của bạn nhỏ dành cho ngôi trường. Hiểu được nội dung bài đọc: Từ bài thơ và tranh minh họa nhận biết được tình cảm yêu thương và gắn bó của bạn nhỏ dành cho ngôi trường, thầy cô và bạn bè.</p> <p>2. Biết viết chữ hoa E, Ê cỡ vừa và cỡ nhỏ, viết câu ứng dụng Em yêu mái trường/ Có hàng cây mát.</p> <p>3. Nghe hiểu câu chuyện Bữa ăn trưa; nhận biết các sự việc trong câu chuyện Bữa ăn trưa qua tranh minh họa; biết dựa vào tranh kể lại được 1 – 2 đoạn (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời cô kể).</p> <p>4. Hình thành và phát triển năng lực văn học; có khả năng quan sát các sự</p>	

			<p>vật xung quanh; biết trân trọng, yêu thương thầy cô, bạn bè.</p>		
	1, 2, 3, 4, 5, 6	Bài 14: EM HỌC VẼ	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Em học vẽ; tốc độ đọc 45 – 50 tiếng/ phút. Hiểu được những hình ảnh đẹp về thiên nhiên được khắc họa trong bức vẽ của bạn nhỏ cũng như tình yêu thiên nhiên và cuộc sống của bạn.</p> <p>2. Nghe – viết đúng chính tả hai khổ thơ đầu của bài Em học vẽ; trình bày đúng khổ thơ, biết viết hoa chữ đầu tên bài thơ và đầu các dòng thơ; làm đúng các bài tập chính tả phân biệt ng/ ngh; r/ d/ gi; an/ ang.</p> <p>3.a. Phát triển vốn từ chỉ sự vật (từ chỉ đồ dùng học tập), đặt câu nêu công dụng của đồ dùng học tập, đặt đúng dấu chấm hoặc chấm hỏi ở cuối câu.</p> <p>b. Viết được 3 – 4 câu giới thiệu một đồ vật được dùng để vẽ.</p> <p>4. Tìm đọc mở rộng được câu chuyện về trường học. Chia sẻ được một số thông tin về câu chuyện đã đọc.</p> <p>5. Cảm nhận được niềm vui học tập ở trường và có ý thức giữ gìn đồ dùng học tập.</p>		
8	1, 2, 3, 4	Bài 15: CUỐN SÁCH CỦA EM	<p>Giúp HS:</p> <p>1.a. Đọc đúng, rõ ràng một văn bản thông tin ngắn và đơn giản với tốc độ khoảng 40 – 45 tiếng trong một phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu.</p>		

			<p>b. Dựa vào gợi ý, trả lời được văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý. Nhận biết được thông tin trên bìa sách: tranh minh họa, tên sách, tên tác giả, tên nhà xuất bản. Điền được thông tin quan trọng vào phiếu đọc sách.</p> <p>2. Biết viết chữ hoa G cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng Gắn mực thì đen, gắn đèn thì sáng.</p> <p>3. Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện Họa mi, vẹt và quạ; kể lại được câu chuyện dựa vào tranh.</p> <p>4. Hình thành và phát triển năng lực văn học (trí tưởng tượng về các sự vật, sự việc trong tự nhiên), có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.</p> <p>5. Bồi dưỡng tình yêu đối với sách, với việc đọc sách, rèn thói quen đọc sách.</p>		
1, 2, 3, 4, 5, 6		Bài 16: KHI TRANG SÁCH MỞ RA	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng, rõ ràng một văn bản thơ; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh quan sát được. Biết chia sẻ về những trải nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc có liên quan đến bài thơ; nội dung của bài thơ và các chi tiết trong tranh, suy luận từ tranh gợi ý để nắm được nội dung bài thơ Khi trang sách mở ra.</p> <p>2. Nghe – viết 2 khổ thơ trong bài. Biết viết hoa tên người. Phân biệt được l/ n, các vần ăn/ ăng, ân/ âng.</p>		



				<p>3.a. Phát triển vốn từ chỉ đặc điểm (liên quan đến các đồ vật HS thường có hoặc thường thấy ở trường, lớp), đặt được câu nêu đặc điểm của đồ vật.</p> <p>b. Biết cách sử dụng dấu chấm và dấu chấm hỏi.</p> <p>4. Biết viết đoạn văn tả đồ dùng học tập. Bước đầu biết cách ghi phiếu đọc sách với những thông tin cơ bản nhất, nói được những điều em thích nhất trong cuốn sách em đã đọc.</p> <p>5. Thêm yêu sách và có thêm cảm hứng để đọc sách.</p>		
9	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10		<p><b>ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1</b></p>	<p>Giúp HS :</p> <p>1. Củng cố kĩ năng đọc thông qua hoạt động đọc đúng các bài đã đọc (5 văn bản, được lựa chọn từ tuần 1 đến tuần 8), đồng thời đọc thêm những văn bản mới (chủ yếu là truyện ngụ ngôn, truyện cười với nhiều lời thoại của các nhân vật). Thực hiện được các yêu cầu liên quan đến văn bản đọc.</p> <p>2. Củng cố kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động nói trong những tình huống cụ thể (rèn các nghi thức lời nói: nhờ, khen, chúc mừng, an ủi); kĩ năng nghe và kể lại một câu chuyện.</p> <p>3. Củng cố và phát triển kĩ năng nghe – viết, kĩ năng viết đoạn văn (giới thiệu về một đồ chơi hoặc đồ dùng gia đình).</p> <p>4. Rèn kĩ năng chính tả thông qua trò chơi đoán từ (phân biệt ch/ tr, an/</p>		

				ang).  5. Củng cố kĩ năng vận dụng kiến thức tiếng Việt qua hoạt động mở rộng vốn từ ngữ về đồ dùng học tập, đồ dùng gia đình; phân biệt từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động và đặc điểm của sự vật. Về câu, phân biệt câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm; viết câu nêu đặc điểm hay công dụng của đồ vật, sử dụng dấu câu thích hợp trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.		
10	1, 2, 3, 4	NIỀM VUI TUỔI THƠ	Bài 17: GỌI BẠN	<p>Giúp HS:</p> <p>1.a. Đọc đúng, rõ ràng một bài thơ thuộc thể 5 chữ, đọc đúng các từ có vần khó, biết cách ngắt nhịp thơ.</p> <p>b. Nhận biết được tình cảm giữa bê vàng và dê trắng qua các từ ngữ và chi tiết trong bài thơ; nhận biết được các câu thơ có vần giống nhau.</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa H cỡ vừa và cỡ nhỏ, viết câu ứng dụng Học thầy không tày học bạn.</p> <p>3. Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện trong bài thơ Gọi bạn qua tranh minh họa; kể lại được 1 – 2 đoạn câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện trong bài đọc) và kể sáng tạo kết thúc câu chuyện.</p> <p>4.a. Hình thành và phát triển năng lực văn học (hiểu được các từ ngữ gợi tả, gợi cảm, cảm nhận được tình cảm</p>		

			<p>của các nhân vật qua nghệ thuật nhân hóa trong bài thơ).</p> <p>b. Bồi dưỡng tình cảm đối với bạn bè, cảm nhận được niềm vui khi có bạn; có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.</p>		
	1, 2, 3, 4, 5, 6	Bài 18: TỚ NHỚ CẬU	<p>Giúp HS:</p> <p>1.a. Đọc đúng các từ ngữ, đọc rõ ràng câu chuyện Tớ nhớ cậu, ngữ điệu đọc phù hợp với suy nghĩ, tình cảm của sóc và kiến dành cho nhau.</p> <p>b. Hiểu được nội dung bài đọc, nhận biết được tình bạn thân thiết và cách duy trì tình bạn.</p> <p>2.a. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn trong bài Tớ nhớ cậu; biết viết hoa chữ cái đầu tên truyện, đầu dòng, sau dấu chấm.</p> <p>b. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt c/ k; iêu/ ươu; en/ eng.</p> <p>3.a. Phát triển vốn từ chỉ tình cảm bạn bè.</p> <p>b. Viết được 3 – 4 câu kể về một hoạt động em tham gia cùng các bạn.</p> <p>4. Tìm và đọc được một bài thơ viết về tình bạn.</p> <p>5. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ và năng lực văn học trong việc kể về hoạt động của con người gần gũi với trải nghiệm của học sinh. Biết trân trọng, gìn giữ tình cảm bạn bè.</p>		
11	1, 2,	Bài 19:	Giúp HS:		

3, 4		CHỮ A VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN	<p>1.a. Đọc đúng các từ khó; đọc rõ ràng một truyện kể ngắn và đơn giản, biết đọc lời kể chuyện trong bài Chữ A và những người bạn với ngữ điệu phù hợp.</p> <p>b. Hiểu được nội dung câu chuyện của chữ A và nhận thức của chữ A về việc cần có bạn bè, bước đầu nhận biết được một số yếu tố của một truyện kể như người kể chuyện (xưng "tôi") và những sự việc liên quan. Quan sát tranh và hiểu được các chi tiết trong tranh. (Bức tranh vẽ chữ A và những người bạn trên trang sách mở và khi chỉ có một mình.).</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa I, K cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết được câu ứng dụng Kiến tha lâu cũng đầy tổ.</p> <p>3. Biết trao đổi với các bạn về niềm vui của em; chia sẻ được những điều làm em không vui.</p> <p>4. Có tinh thần hợp tác và kết nối với bạn bè, có khả năng làm việc nhóm.</p>		
1, 2, 3, 4, 5, 6		Bài 20: NHÍM NÂU KẾT BẠN	<p>Giúp HS :</p> <p>1. Đọc đúng các từ khó, biết cách đọc lời nói, lời thoại của các nhân vật trong bài đọc Nhím nâu kết bạn. Nhận biết được ý nghĩa, giá trị của tình cảm bạn bè (qua bài đọc và tranh minh họa); hiểu vì sao nhím nâu có sự thay đổi – từ nhút nhát, trở nên mạnh dạn, thích sống cùng bè bạn.</p> <p>Tìm đọc mở rộng được các bài viết về hoạt động của học sinh ở trường.</p>		

			<p>2. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn văn (theo Nhím nâu kết bạn); biết viết hoa chữ cái đầu dòng và đầu câu. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt, trong đó phân biệt g/ gh (bài tập chính tả toàn dân), phân biệt iu/ ưu, iên/ iêng (bài tập chính tả phương ngữ). Có kĩ năng viết đoạn văn để kể về một giờ ra chơi ở trường.</p> <p>3.a. Phát triển vốn từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm; đặt được câu nói về hoạt động của học sinh.</p> <p>b. Biết nói lời xin lỗi và đáp lời xin lỗi bạn bè. Biết nói với bạn về một hoạt động ở trường mà mình thích.</p> <p>4. Bồi dưỡng tình cảm bạn bè; hình thành và phát triển năng lực quan sát (quan sát giờ ra chơi, các hoạt động ở trường), năng lực tự học (tìm đọc thêm sách báo); có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.</p>	
12	1, 2, 3, 4	Bài 21: THẢ ĐIỀU	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng các từ khó, biết đọc bài thơ Thả điều của Trần Đăng Khoa, biết ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp. Nhận biết được vẻ đẹp của cánh điều, vẻ đẹp của làng quê (qua bài đọc và tranh minh họa): cánh điều giống các sự vật gần gũi ở thôn quê (con thuyền, trăng vàng, hạt cau, lưỡi liềm), cánh điều làm cảnh thôn quê thêm tươi đẹp.</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa L cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng Làng quê xanh mát bóng tre.</p>	

			<p>3. Nhận biết các sự việc trong câu chuyện Chúng mình là bạn qua tranh minh họa; kể lại được 1 – 2 đoạn của câu chuyện dựa vào tranh và lời gợi ý dưới tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện đã nghe).</p> <p>4. Bồi dưỡng tình yêu quê hương, yêu các trò chơi tuổi thơ; phát triển năng lực văn học (liên tưởng, so sánh các sự vật), có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.</p>		
1, 2, 3, 4, 5, 6		Bài 22: TỜ LÀ LÊ-GÔ	<p>Giúp HS :</p> <p>1. Đọc đúng các tiếng có vần khó, đọc rõ ràng một văn bản thông tin được trình bày dưới hình thức tự sự (người kể chuyện xưng “tớ”); biết nghỉ hơi sau khi đọc câu, đọc đoạn. Hiểu nội dung bài đọc về một đồ chơi hiện đại được nhiều trẻ em yêu thích (đồ chơi lắp ráp lê-gô); nắm được cách sắp xếp, tổ chức thông tin trong văn bản.</p> <p>2. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn văn ngắn (Đồ chơi yêu thích); biết viết hoa các chữ cái đầu câu. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt ng/ ngh, ch/ tr, uôn/ uông.</p> <p>3.a. Phát triển vốn từ về tên các đồ chơi; đặt được câu nêu đặc điểm.</p> <p>b. Viết được đoạn văn giới thiệu đồ chơi yêu thích.</p> <p>4. Tìm và đọc mở rộng được các bài hướng dẫn tổ chức một trò chơi hoặc hoạt động tập thể.</p>		

			<p>5.a. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong việc giới thiệu về một đồ chơi yêu thích, quen thuộc.</p> <p>b. Có niềm vui khi được chơi các trò chơi, đồ chơi phù hợp với lứa tuổi.</p>		
13	1, 2, 3, 4	Bài 23: RỒNG RẪN LÊN MÂY	<p>Giúp HS:</p> <p>1.a. Đọc đúng, rõ ràng bài đọc Rồng rắn lên mây; tốc độ đọc khoảng 50 – 55 tiếng/ phút.</p> <p>b. Hiểu cách chơi trò chơi rồng rắn lên mây.</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa M (chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ); viết câu ứng dụng Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.</p> <p>3. Đoán được nội dung câu chuyện Búp bê biết khóc qua câu hỏi dưới tranh minh họa; kể được 1 – 2 đoạn của câu chuyện dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời cô kể).</p> <p>4. Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc nhóm, ý thức tập thể và trách nhiệm cá nhân (thông qua trò chơi rồng rắn lên mây).</p>		
	1, 2, 3, 4, 5, 6	Bài 24: NẶN ĐỒ CHƠI	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng các tiếng có âm dễ lẫn do ảnh hưởng của phát âm địa phương, đọc rõ ràng bài thơ, biết cách ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp. Hiểu nội dung bài thơ (về một trò chơi quen thuộc của trẻ thơ – nặn đồ chơi).</p>		

				<p>2. Nghe – viết đúng chính tả bài thơ (3 khổ thơ đầu); trình bày đúng khổ thơ, biết viết hoa chữ cái đầu tên bài thơ và đầu các dòng thơ. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt da/ gia, s/ x hoặc ươn/ ương.</p> <p>3.a. Phát triển vốn từ chỉ đặc điểm của đồ chơi, luyện tập cách sử dụng dấu phẩy.</p> <p>b. Viết được một đoạn văn tả đồ chơi.</p> <p>4. Tìm và đọc mở rộng được một bài thơ hoặc một bài đồng dao về đồ chơi, trò chơi, chia sẻ với bạn được tên và cách chơi đồ chơi đó.</p> <p>5.a. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong việc kể, tả về đặc điểm của các đồ chơi quen thuộc, gắn gũi ở xung quanh.</p> <p>b. Biết chia sẻ khi chơi, biết quan tâm đến người khác bằng những hành động đơn giản.</p>		
14	1, 2, 3, 4	MÁI ẤM GIA ĐÌNH	Bài 25: SỰ TÍCH HOA TỈ MUỘI	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng các từ khó, biết cách đọc lời người kể chuyện, lời thoại của các nhân vật trong bài Sự tích hoa tỉ muội. Nhận biết được tình cảm chị em hồn nhiên mà đầy xúc động thể hiện qua bài đọc. Biết được một cách giải thích về nguồn gốc hoa tỉ muội và hiểu ý nghĩa của loài hoa này.</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa N cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng Nói lời hay, làm việc tốt.</p>		



			<p>3. Nhận biết các sự việc trong câu chuyện Hai anh em qua tranh minh họa; đoán được nội dung câu chuyện qua câu hỏi gợi ý dưới tranh; kể lại được 1 – 2 đoạn của câu chuyện dựa vào tranh và lời gợi ý dưới tranh; kể được cho người thân nghe những sự việc cảm động trong câu chuyện (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện đã nghe).</p> <p>4. Bồi dưỡng tình yêu thương anh chị em và người thân trong gia đình; bước đầu, hiểu được khó khăn của người dân vùng lũ; hình thành và phát triển năng lực văn học (trí tưởng tượng về sự vật, sự việc trong tự nhiên), có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.</p>		
1, 2, 3, 4, 5, 6		Bài 26: EM MANG VỀ YÊU THƯƠNG	<p>Giúp HS:</p> <p>1.a. Đọc đúng, rõ ràng một bài thơ ngắn. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ.</p> <p>b. Hiểu nội dung của từng khổ thơ, hiểu tình cảm yêu thương của bạn nhỏ dành cho em bé.</p> <p>2.a. Nghe – viết đúng chính tả 2 khổ thơ đầu bài Em mang về yêu thương; trình bày đúng khổ thơ, biết viết hoa chữ cái đầu tên bài thơ và đầu các dòng thơ.</p> <p>b. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt iên/ yên/ uyên; d/ r/ gi hoặc ai/ ay.</p> <p>c. Viết được một đoạn văn ngắn 3 – 4 câu kể về một việc người thân đã làm</p>		

				<p>cho em.</p> <p>3. Phát triển vốn từ chỉ quan hệ họ hàng, từ chỉ đặc điểm, đặt câu nêu đặc điểm.</p> <p>4. Biết tìm và đọc được một bài thơ về tình cảm anh chị em.</p> <p>5. Bồi dưỡng tình cảm yêu thương, ý thức quan tâm, chăm sóc những người thân trong gia đình.</p>		
15	1, 2, 3, 4	Bài 27: MẸ	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng các từ khó, biết đọc bài thơ Mẹ của Trần Quốc Minh (ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp). Nhận biết được tình cảm yêu thương, sự quan tâm, săn sóc của mẹ dành cho con.</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa O cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng Ong chăm chỉ tìm hoa làm mật.</p> <p>3. Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện Sự tích cây vú sữa qua tranh minh họa; đoán được nội dung câu chuyện qua câu hỏi gợi ý dưới tranh; kể lại được 1 – 2 đoạn của câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện đã nghe); biết nói câu thể hiện lòng biết ơn đối với cha mẹ.</p> <p>4. Có tình cảm yêu thương, biết ơn đối với bố mẹ và người thân trong gia đình; phát triển năng lực quan sát (thấy được những công việc bố mẹ thường làm cho mình khi ở nhà); có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.</p>			

1, 2,  
3, 4,  
5, 6

Bài 28:  
TRÒ CHƠI  
CỦA BỐ

Giúp HS:

1.a. Đọc đúng các từ khó, biết cách đọc lời thoại của các nhân vật (bố và Hường) trong bài Trò chơi của bố. Hiểu nội dung bài đọc: Thông qua trò chơi “ăn cỗ” mà bố và Hường chơi cùng nhau, bài đọc nói lên tình cảm giữa những người thân trong gia đình dành cho nhau, cách bố dạy Hường những điều cần biết trong nói năng và cư xử với người lớn tuổi.

b. Biết thêm về một trò chơi miền Bắc (“ăn cỗ” – đóng vai chơi đồ hàng).

2.a. Nghe – viết đúng chính tả bài Trò chơi của bố (từ Đến bữa ăn đến một nết ngoan); biết viết địa chỉ nhà nơi mình ở theo đúng quy tắc viết hoa.

b. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt l/ n; ao/ au.

3.a. Phát triển vốn từ chỉ tình cảm của người thân trong gia đình, từ chỉ tính cách.

b. Biết sử dụng dấu câu (dấu chấm, chấm than và dấu chấm hỏi).

c. Viết được một đoạn văn ngắn kể về tình cảm của mình với người thân.

4. Tự tìm đọc được một bài thơ hoặc câu chuyện về tình cảm của bố mẹ với các con; chia sẻ với người khác bài thơ, câu chuyện đó.

5. Biết nói năng và có cử chỉ lễ phép đối với bố mẹ và người lớn tuổi; biết trân trọng tình cảm gia đình, thêm

				yêu bố mẹ và có hành động đơn giản thể hiện tình cảm với bố mẹ.		
16	1, 2, 3, 4	Bài 29: CÁNH CỬA NHỚ BÀ	Giúp HS:  1.a. Biết đọc đúng, rõ ràng một văn bản thơ (Cánh cửa nhớ bà); hiểu nội dung bài thơ.  b. Quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh quan sát được (từ tranh có thể nhận diện được nội dung của các khổ thơ).  2. Biết viết chữ viết hoa Ô, Ơ chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng Ông bà sum vầy cùng con cháu.  3. Nhận biết các sự việc trong câu chuyện Bà cháu qua tranh minh họa; nghe và kể lại được 1 – 2 đoạn của câu chuyện dựa vào tranh.  4. Biết chia sẻ những trải nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc về tình yêu thương, gắn bó của bản thân với ông bà; có tình cảm yêu thương đối với ông bà và những người thân trong gia đình; có khả năng làm việc nhóm.			
	1, 2, 3, 4, 5, 6	Bài 30: THƯƠNG ÔNG	Giúp HS :  1.a. Đọc đúng các từ khó, đọc rõ ràng bài thơ Thương ông (ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp).  b. Nhận biết được tình cảm yêu thương, gắn gũi của ông và cháu (qua bài đọc và tranh minh họa).  c. Đọc mở rộng được một bài thơ, câu chuyện về tình cảm giữa ông bà và			

			<p>cháu.</p> <p>2.a. Nghe – viết đúng chính tả 2 khổ thơ đầu bài Thương ông, biết viết hoa chữ cái đầu dòng và đầu câu.</p> <p>b. Làm đúng các bài tập chính tả phương ngữ (phân biệt ch/ tr hoặc ac/ at). Viết 3 – 5 câu kể về một công việc đã làm cùng người thân.</p> <p>3. Phát triển vốn từ ngữ chỉ sự vật, chỉ hoạt động; rèn kĩ năng đặt câu nêu hoạt động (nói về công việc của từng người, công việc chung của mọi người trong gia đình).</p> <p>4. Bồi dưỡng tình cảm yêu thương, kính trọng đối với ông bà và người thân trong gia đình; thêm yêu quý gia đình; hình thành và phát triển năng lực quan sát (quan sát công việc của mọi người trong gia đình) và năng lực tự học (tìm đọc thêm thơ, truyện); có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.</p>		
17	1, 2, 3, 4	Bài 31: ÁNH SÁNG CỦA YÊU THƯƠNG	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng các từ khó, biết cách đọc lời thoại, độc thoại của các nhân vật trong bài Ánh sáng của yêu thương. Nhận biết được tình yêu thương, lòng hiếu thảo của con đối với mẹ (qua bài đọc và tranh minh họa); hiểu vì sao cậu bé Ê-đi-xơn đã nảy ra sáng kiến giúp mẹ được phẫu thuật kịp thời, cứu mẹ thoát khỏi tay thần chết.</p> <p>2. Nhận biết các sự việc và trình tự các sự việc trong câu chuyện Ánh sáng của yêu thương; kể lại được 1 –</p>		

			<p>2 đoạn của câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện đã đọc, đã nghe).</p> <p>3. Biết viết chữ viết hoa P chữ cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng Phượng nở đỏ rực một góc trời.</p> <p>4. Bồi dưỡng tình yêu thương mẹ và người thân trong gia đình; hình thành và phát triển năng lực văn học (sáng tạo khi kể về cậu bé Ê-đi-xơn trong câu chuyện Ánh sáng của yêu thương); có tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm.</p>	
1, 2, 3, 4, 5, 6		<p>Bài 32: CHƠI CHONG CHÓNG</p>	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng các từ dễ nhầm lẫn do phát âm địa phương, đọc rõ ràng một câu chuyện ngắn; biết nghỉ hơi sau khi đọc câu, đọc đoạn. Hiểu nội dung bài đọc về hai anh em chơi một trò chơi rất vui, qua đó thấy được tình cảm anh em thân thiết, đoàn kết, nhường nhịn lẫn nhau.</p> <p>2. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn ngắn trong bài đọc theo hình thức nghe – viết, biết viết hoa các chữ cái đầu câu. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt iu/ ưu; ăt/ ăc; ât/ âc.</p> <p>3.a. Phát triển vốn từ về tình cảm gia đình; luyện tập về cách sử dụng dấu phẩy.</p> <p>b. Viết được một tin nhắn cho người thân.</p> <p>4. Tìm đọc mở rộng được một bài thơ, câu chuyện kể về sinh hoạt</p>	

			<p>chung của gia đình.</p> <p>5.a. Hình thành và phát triển năng lực văn học (nhận biết được các nhân vật trong câu chuyện, hiểu được cốt truyện); phát triển năng lực ngôn ngữ trong việc viết một tin nhắn.</p> <p>b. Biết yêu thương, chia sẻ, nhường nhịn giữa anh chị em trong gia đình; có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.</p>	
18	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10	ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng, rõ ràng đoạn văn, câu chuyện, bài thơ,... Tốc độ đọc khoảng 60 – 65 tiếng trong một phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ. Hiểu nội dung bài đã đọc, hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản đơn giản (dựa vào gợi ý), nhận biết được thái độ, tình cảm giữa các nhân vật thể hiện qua hành động, lời nói...</p> <p>2. Viết đúng bài chính tả khoảng 45 – 50 chữ theo hình thức nghe – viết, tốc độ khoảng 45 – 50 chữ trong 15 phút; viết đúng các từ ngữ có tiếng chứa âm/ vần dễ viết sai, lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Viết được đoạn văn khoảng 3 – 4 câu kể về một việc làm tốt của em ở nhà hoặc ở trường dựa vào gợi ý.</p> <p>3. Biết trao đổi ý kiến về bài đọc yêu thích trong học kì 1; biết nói lời chào, lời tự giới thiệu phù hợp với tình huống giao tiếp. Kể được sự việc trong tranh dựa vào gợi ý.</p>	

			<p>4. Tìm được các từ ngữ chỉ người, chỉ vật, chỉ hoạt động, đặc điểm thuộc một số chủ điểm đã học; biết sử dụng các từ ngữ để đặt câu; bước đầu biết sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.</p> <p>Lưu ý: Mục tiêu nêu trên đây được hiểu là những điều HS cần đạt được sau học kì 1. Bài ôn cuối học kì chỉ là những nội dung cơ bản cần ôn và gợi ý đánh giá cuối học kì 1 cũng mang tính chất tham khảo.</p>	
--	--	--	--	--

### Phân phối chương trình môn Tiếng Việt 2 học kì 2

Tuần	Tiết	Tên chủ đề	Bài học	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức	Ghi chú
19	1, 2, 3, 4	VỀ ĐẸP QUANH EM	Bài 1: CHUYỆN BỐN MÙA	<p>Giúp HS:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đọc đúng các từ ngữ, đọc rõ ràng câu chuyện Chuyện bốn mùa. Biết đọc lời đối thoại của các nhân vật phù hợp với ngữ điệu. Nhận biết được 4 nàng tiên tượng trưng cho bốn mùa. Hiểu được ý nghĩa câu chuyện dựa vào nội dung câu chuyện và tranh minh họa, nhận biết được 4 mùa xuân, hạ, thu, đông mỗi mùa mỗi vẻ đẹp riêng đều có ích cho cuộc sống.</li> <li>Biết viết chữ viết hoa Q (chữ cỡ vừa và cỡ nhỏ); viết câu ứng dụng Quê hương em có đồng lúa xanh.</li> <li>Nhận biết câu nêu đặc điểm.</li> </ol>		



			<p>4. Kể lại được từng đoạn của câu chuyện dựa theo tranh và câu hỏi gợi ý (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện trong bài đọc).</p> <p>5. Hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học (trí tưởng tượng về các sự vật, sự việc trong tự nhiên); có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.</p>	
1, 2, 3, 4, 5, 6		Bài 2: MÙA NƯỚC NỔI	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng các từ khó, đọc rõ ràng văn bản mùa nước nổi với tốc độ đọc phù hợp, biết nghỉ hơi sau mỗi đoạn. Hiểu và chỉ ra được những chi tiết cho thấy đặc trưng của cảnh mùa nước nổi ở miền Nam. Từ đó, hiểu được lý do tại sao người miền Nam gọi là mùa nước nổi chứ không phải mùa nước lũ.</p> <p>2. Viết đúng chính tả một đoạn văn ngắn trong văn bản mùa nước nổi theo hình thức nghe – viết; biết cách trình bày đoạn văn, biết viết hoa chữ cái đầu câu. Làm được các bài tập chính tả phân biệt c/k, ch/tr hoặc ac/at. Viết đoạn ngắn tả một đồ vật dùng để tránh nắng hoặc tránh mưa.</p> <p>3. Phát triển vốn từ ngữ về mùa, nói được tên và đặc điểm các mùa ở miền Bắc và miền Nam nước ta, biết cách dùng</p>	

				<p>dấu chấm, dấu chấm hỏi ở cuối câu.</p> <p>4. Tìm đọc được một câu chuyện, bài thơ viết về các mùa trong năm.</p> <p>5. Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, tình yêu đối với các vùng đất khác nhau trên đất nước.</p>		
20	1, 2, 3, 4		Bài 3: HỌA MI HÓT	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng các từ khó, đọc rõ ràng văn bản Họa mi hót với tốc độ đọc phù hợp; biết nghỉ hơi sau mỗi đoạn. Hiểu được sự thay đổi của các sự vật trên bầu trời và mặt đất khi nghe tiếng hót của họa mi; hiểu được tiếng hót của họa mi là tín hiệu báo hiệu mùa xuân về.</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa R cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng Rừng cây vươn mình đón nắng mai.</p> <p>3. Nghe hiểu câu chuyện Hồ nước và mây; biết dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh đoán nội dung câu chuyện và kể lại được từng đoạn của câu chuyện (không yêu cầu kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời cô kể).</p>		

			4. Bồi đắp cho học sinh tình yêu thiên nhiên, cây cỏ, vạn vật; có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.	
1, 2, 3, 4, 5, 6		Bài 4: TẾT ĐẾN RỒI	<p>1.a. Đọc đúng, rõ ràng một văn bản thông tin ngắn (văn bản giới thiệu chung về Tết với thông tin về các loài hoa, loại bánh đặc trưng của các vùng miền, hoạt động chính của con người trong dịp Tết).</p> <p>b. Biết quan sát tranh và hiểu được các chi tiết trong tranh (tờ lịch đỏ ngày Tết, chỉ rõ ngày âm lịch là ngày mùng 1; bánh chưng, bánh tét; hoa mai, hoa đào; cảnh chúc Tết,...). Từ các bức tranh, HS có thể hình dung phần nào ngày Tết ở Việt Nam.</p> <p>2. Biết viết chính tả theo hình thức nghe – viết; viết được một tấm thiệp chúc Tết gửi cho một người bạn hoặc người thân ở xa.</p> <p>3. Nhận biết được các từ ngữ chỉ sự vật và hoạt động liên quan đến ngày Tết cổ truyền của dân tộc (đặc biệt là hoạt động gói bánh chưng); có kĩ năng hỏi – đáp về những việc thường làm trong ngày Tết, luyện tập sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi.</p> <p>4. Tìm đọc mở rộng được một bài thơ hoặc một câu chuyện về ngày Tết.</p>	

				<p>5. Biết chia sẻ những trải nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc liên quan đến Tết cổ truyền của dân tộc; bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, yêu văn hóa (phong tục tập quán) Việt Nam.</p>	
21	1, 2, 3, 4	Bài 5: GIỌT NƯỚC VÀ BIỂN LỚN	<p>Giúp HS:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đọc đúng các từ ngữ khó, đọc rõ ràng bài thơ Giọt nước và biển lớn với tốc độ đọc phù hợp; Biết ngắt hơi phù hợp với nhịp thơ; Hiểu được mối quan hệ giữa giọt nước, suối, sông, biển và chỉ ra được hành trình giọt nước đi ra biển.</li> <li>2. Biết viết chữ viết hoa S cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng Suối chảy róc rách qua khe đá.</li> <li>3. Nghe hiểu được câu chuyện Chiếc đèn lồng; kể lại được từng đoạn câu chuyện dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời cô kể).</li> <li>4. Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên khi khám phá những sự vật trong tự nhiên; có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.</li> </ol>		

1, 2,  
3, 4,  
5, 6

Bài 6: MÙA  
VÀNG

Giúp HS:

1. Đọc đúng, rõ ràng câu chuyện Mùa vàng có lời thoại của hai nhân vật mẹ và con; phân biệt lời người kể chuyện và lời nhân vật để đọc với ngữ điệu phù hợp. Hiểu được nội dung bài đọc từ nội dung câu chuyện và tranh minh họa, nhận biết được rằng để có được mùa thu hoạch cây trái, người nông dân phải làm việc vất vả.
2. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn ngắn về nội dung bài đọc Mùa vàng. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt ng/ ngh; r/ d/ gi (hoặc tiếng có vần ưc/ ưt).
3. Phát triển vốn từ về cây cối. Viết được 3 – 5 câu kể về việc chăm sóc cây cối dựa theo gợi ý.
4. Tìm đọc được những câu chuyện viết về thiên nhiên.
5. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ và năng lực văn học trong việc kể về hoạt động gắn với trải nghiệm của HS; Có thái độ biết ơn người lao động; Có ý thức bảo vệ môi trường.

22	1, 2, 3, 4	Bài 7: HẠT THÓC	<p>Giúp HS:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đọc đúng các từ ngữ khó, đọc rõ ràng bài thơ Hạt thóc với tốc độ đọc phù hợp; biết ngắt hơi phù hợp với nhịp thơ; hiểu và tìm được những câu thơ nói về cuộc đời đầy gian truân, vất vả của hạt thóc và sự quý giá của hạt thóc đối với con người; hiểu và tìm được từ ngữ cho thấy đây là bài thơ tự sự hạt thóc tự kể chuyện về cuộc đời mình.</li> <li>2. Biết viết chữ viết hoa T cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.</li> <li>3. Nghe hiểu câu chuyện Sự tích cây khoai lang; kể lại được từng đoạn câu chuyện dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời cô kể).</li> <li>4. Bồi dưỡng tình yêu đối với thiên nhiên, cây cỏ; có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.</li> </ol>		
	1, 2, 3, 4, 5, 6	Bài 8: LŨY TRE	<p>Giúp HS:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1.a. Đọc đúng, rõ ràng bài thơ, biết ngắt đúng nhịp thơ, nhấn giọng phù hợp.</li> <li>b. Trả lời được các câu hỏi có liên quan đến bài thơ. Tự tìm đọc một bài thơ yêu thích về vẻ</li> </ol>		

				<p>đẹp thiên nhiên; chia sẻ với người khác tên bài thơ, tên nhà thơ và một khổ thơ em thích. Quan sát tranh và hiểu được các chi tiết trong tranh; vận dụng được những kiến thức của cuộc sống để hiểu kiến thức trong trang sách và ngược lại.</p> <p>2. Viết được bài chính tả theo hình thức nghe – viết và hoàn thành bài tập chính tả âm vần; viết được đoạn văn 3 – 5 câu kể lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia.</p> <p>3. Biết chia sẻ những trải nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc về cảnh đẹp; trao đổi về nội dung của bài thơ và các chi tiết trong tranh; có khả năng liên tưởng, tưởng tượng khi quan sát tranh.</p> <p>4. Phát triển vốn từ về thiên nhiên và câu nêu đặc điểm.</p>		
23	1, 2, 3, 4	HÀNH TINH XANH CỦA EM	Bài 9: VỀ CHIM	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng các từ ngữ khó, đọc rõ ràng bài Về chim với ngữ điệu đọc phù hợp; biết ngắt giọng phù hợp với nhịp thơ; nhớ tên và nhận biết được đặc</p>		

			<p>điểm riêng của mỗi loài chim được nhắc đến trong bài vè.</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa U cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng Rừng U Minh có nhiều loài chim quý.</p> <p>3. Nghe – kể câu chuyện Cảm ơn họa mi; kể lại được từng đoạn câu chuyện dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời cô kể).</p> <p>4. Có khả năng nhận biết và bày tỏ tình yêu đối với thế giới loài vật (loài chim); có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.</p>		
1, 2, 3, 4, 5, 6		Bài 10: KHỦNG LONG	<p>Giúp HS :</p> <p>1.a. Đọc đúng các từ khó, đọc rõ ràng văn bản Khủng long với ngữ điệu phù hợp; biết nghỉ hơi sau mỗi đoạn.</p> <p>b. Hiểu và chỉ ra được đặc điểm của các bộ phận của khủng long; thức ăn, nơi sống của khủng long. Hiểu được khủng long là một loài động vật đã tuyệt chủng nên chúng ta không thể gặp khủng long thật.</p> <p>2. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn trong bài Khủng long; trình bày đúng đoạn văn, biết viết hoa chữ cái đầu các câu; làm đúng các bài tập chính tả</p>		



			<p>phân biệt uya/ uyu, iêu/ ươu hoặc uôc/ uôt.</p> <p>3.a. Phát triển vốn từ về muông thú; kĩ năng sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.</p> <p>b. Viết đoạn ngắn giới thiệu tranh ảnh về một con vật.</p> <p>4. Tìm đọc được sách, báo về một loài động vật hoang dã và chia sẻ một số thông tin về loài động vật đó.</p> <p>5. Bồi dưỡng tình yêu đối với các loài động vật.</p>	
24	1, 2, 3, 4	Bài 11: SỰ TÍCH CÂY THÌ LÀ	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng các từ ngữ khó, biết cách đọc các lời nói của các nhân vật trong văn bản Sự tích cây thì là. Nhận biết một số loài cây qua bài đọc và tranh minh họa. Hiểu được cách giải thích vui về tên gọi của một số loài cây trong câu chuyện và lí do có loài cây tên là "thì là".</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa V cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng Vườn cây quanh năm xanh tốt.</p> <p>3. Nhận biết các sự việc trong câu chuyện Sự tích cây thì là qua tranh minh họa; kể lại được toàn bộ câu chuyện dựa vào</p>	

			<p>tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện trong bài đọc).</p> <p>4. Hình thành và phát triển năng lực văn học (trí tưởng tượng về các sự vật, sự việc trong tự nhiên; khiếu hài hước); có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.</p>	
1, 2, 3, 4, 5, 6		Bài 12: BỜ TRE ĐÓN KHÁCH	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng các từ ngữ khó, đọc rõ ràng bài thơ Bờ tre đón khách với tốc độ đọc phù hợp; biết ngắt hơi phù hợp với nhịp thơ; Nhớ tên và nhận biết được đặc điểm riêng của mỗi con vật khi ghé thăm bờ tre. Hiểu được niềm vui của bờ tre khi được đón khách.</p> <p>2.a. Nghe – viết đúng chính tả bài Bờ tre đón khách, biết viết hoa chữ cái đầu tên bài đọc và đầu các câu thơ.</p> <p>b. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt d/ gi, iu/ ưu hoặc ươc/ ươt.</p> <p>3.a. Phát triển vốn từ về vật nuôi, biết đặt câu nêu đặc điểm của loài vật.</p> <p>b. Viết được một đoạn văn ngắn kể lại hoạt động của con vật quan sát được.</p> <p>4. Tìm đọc mở rộng được sách, báo viết về một loài vật nuôi trong nhà.</p>	

				5. Bồi dưỡng tình yêu đối với loài vật, đặc biệt là vật nuôi trong nhà.		
25	1, 2, 3, 4		Bài 13: TIẾNG CHỖI TRE	<p>Giúp HS:</p> <p>1.a. Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Tiếng chổi tre, biết ngắt hơi sau mỗi dòng thơ.</p> <p>b. Nhận biết được thời gian, địa điểm được miêu tả trong bài thơ, hiểu được công việc thăm lặn, vất vả nhưng đầy ý nghĩa của chị lao công, từ đó có thái độ trân trọng, giữ gìn môi trường sống quanh mình.</p> <p>2. Biết viết chữ viết hoa X cỡ vừa và nhỏ; viết câu ứng dụng Xuân về, hàng cây bên đường thay áo mới.</p> <p>3. Nhận biết các sự việc trong câu chuyện Hạt giống nhỏ qua tranh minh họa và câu hỏi gợi ý dưới tranh; nghe kể chuyện rồi kể lại được từng đoạn và toàn bộ câu chuyện dựa vào tranh.</p> <p>4. Có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.</p>		

1, 2, 3, 4, 5, 6		<p>Bài 14: CỎ NON CƯỜI RỒI</p>	<p>Giúp HS:</p> <p>1. Đọc đúng các từ khó, đọc rõ ràng văn bản Cỏ non cười rồi với tốc độ đọc phù hợp; biết cách đọc các lời nói, lời đối thoại của các nhân vật trong bài; biết nghỉ hơi sau mỗi đoạn; Hiểu và nắm được vì sao cỏ non lại khóc, chim én đã làm gì để giúp cỏ non. Thông qua đó thấy được ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của chim én.</p> <p>2.a. Nghe – viết chính tả một đoạn ngắn trong văn bản Cỏ non cười rồi; trình bày đúng đoạn văn, biết viết hoa chữ cái đầu tên bài đọc và đầu các câu văn.</p> <p>b. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt ng/ ngh, tr/ ch hoặc êt/ êch.</p> <p>3.a. Phát triển vốn từ về bảo vệ môi trường; biết sử dụng dấu phẩy trong câu.</p> <p>b. Biết viết lời xin lỗi.</p> <p>4. Tìm đọc mở rộng được sách, báo viết về các hoạt động giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp ở nhà trường.</p>		
------------------------	--	--	--	--	--

## Phân phối chương trình Tự nhiên xã hội lớp 2 học kì 1

Tuần	Tiết	Tên chủ đề	Bài học	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức	Ghi chú

1	2	<b>Gia đình</b>	Các thể hệ trong gia đình				
2	2		Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình				
3	2		Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà				
4	2			Giữ sạch nhà ở			
5,6	3			Ôn tập chủ đề về Gia đình			
6,7	2	<b>Trường học</b>	Chào đón ngày khai giảng				
7,8	2		Ngày hội đọc sách của chúng em				
8,9	2		An toàn khi ở trường				
9,10	2		Giữ vệ sinh trường học				

10,11	3		Ôn tập chủ đề Trường học			
12	2	<b>Cộng đồng địa phương</b>	Hoạt động mua bán hàng hóa			
13	1		Thực hành mua bán hàng hóa			
13,14	2		Hoạt động giao thông			
14,15	2		Cùng tham gia giao thông			
15,16	3		Ôn tập chủ đề Cộng đồng đại phương			
17	2		<b>Thực vật động vật</b>	Thực vật sống ở đâu?		
18	2	Động vật sống ở đâu?				
19,20	3	Cần làm gì để bảo vệ môi trường sống của				

			động vật và thực vật?			
20,21	3		Thực vật và động vật quanh em			
22,23	3		Ôn tập chủ đề Động vật và thực vật			
23,24	2	<b>Con người và sức khỏe</b>	Tìm hiểu cơ quan vận động			
24,25	2		Chăm sóc, bảo vệ cơ quan vận động			
25,26	2		Tìm hiểu cơ quan hô hấp			
26,27	2		Chăm sóc, bảo vệ cơ quan hô hấp			
27,28	2		Tìm hiểu cơ quan bài tiết nước tiểu			
28,29	2		Chăm sóc, bảo vệ cơ quan bài tiết nước tiểu			

29,30	3		Ôn tập về chủ đề Con người và sức khỏe			
31	2	<b>Trái đất và bầu trời</b>	Các mùa trong năm			
32	2		Một số thiên tai thường gặp			
33,34	3		Luyện tập ứng phó với thiên tai			
34,35	3		Ôn tập chủ đề Trái đất và bầu trời			

## Phân phối chương trình Đạo đức lớp 2 học kì 1

Tuần	Tiết	Tên chủ đề	Bài học	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức	Ghi chú
1, 2	1,2	Quê hương em	Vẽ đẹp quê hương em	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được địa chỉ quê hương.</li> <li>- Bước đầu nhận biết được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người ở quê hương mình.</li> </ul>		
3, 4	1,2		Em yêu	- Thể hiện được việc làm		



			quê hương	thiết thực, phù hợp với lứa tuổi để thể hiện tình yêu quê hương.		
5, 6	1,2	Kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu bạn bè	Kính trọng thầy giáo, cô giáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số biểu hiện của sự kính trọng thầy giáo, cô giáo.</li> <li>- Thể hiện được hành động và lời nói thể hiện sự kính trọng thầy giáo, cô giáo.</li> </ul>		
7, 8	1,2		Yêu quý bạn bè	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số biểu hiện của việc yêu quý bạn bè.</li> <li>- Thực hiện được hành động và lời nói thể hiện sự yêu quý bạn bè.</li> <li>- Sẵn sàng tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi để giúp đỡ các bạn khó khăn hoặc có hoàn cảnh không may mắn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa hoặc vùng bị thiệt hại vì thiên tai.</li> </ul>		
9, 10	1,2	Quý trọng thời gian	Quý trọng thời gian	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số biểu hiện của việc quý trọng thời gian.</li> <li>- Nêu được vì sao phải quý trọng thời gian.</li> <li>- Thực hiện được việc sử dụng thời gian hợp lí.</li> </ul>		
11, 12	1,2	Nhận lỗi và sửa lỗi	Nhận lỗi và sửa lỗi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số biểu hiện của việc nhận lỗi và sửa lỗi.</li> </ul>		

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vì sao phải nhận lỗi và sửa lỗi.</li> <li>- Thực hiện được việc nhận lỗi và sửa lỗi.</li> <li>- Đồng tình với việc biết nhận lỗi và sửa lỗi, không đồng tình với việc không biết nhận lỗi và sửa lỗi.</li> </ul>		
13, 14	1,2	Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	Bảo quản đồ dùng cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số biểu hiện của việc biết bảo quản đồ dùng cá nhân.</li> <li>- Nêu được vì sao phải bảo quản đồ dùng cá nhân.</li> <li>- Thực hiện được việc bảo quản đồ dùng cá nhân.</li> <li>- Nhắc nhở người thân, bạn bè bảo quản đồ dùng cá nhân.</li> </ul>		
15, 16	1,2		Bảo quản đồ dùng gia đình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số biểu hiện của việc biết bảo quản đồ dùng gia đình.</li> <li>- Nêu được vì sao phải bảo quản đồ dùng gia đình.</li> <li>- Thực hiện được việc bảo quản đồ dùng gia đình.</li> <li>- Nhắc nhở người thân, bạn bè bảo quản đồ dùng gia đình.</li> </ul>		
17, 18	1,2	Thể hiện cảm xúc bản thân	Cảm xúc của em	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được cảm xúc tích cực và cảm xúc tiêu cực.</li> </ul>		

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được ảnh hưởng của cảm xúc tích cực và tiêu cực đối với bản thân và mọi người xung quanh.</li> </ul>		
19, 20	1,2		Kiểm chế cảm xúc tiêu cực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được cách kiểm chế cảm xúc tiêu cực.</li> <li>- Thực hiện được việc kiểm chế cảm xúc tiêu cực phù hợp.</li> </ul>		
21, 22	1,2	Tìm kiếm sự hỗ trợ	Tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà.</li> <li>- Nêu được vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà.</li> <li>- Thực hiện được việc tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà.</li> </ul>		
23, 24	1,2		Tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở trường.</li> <li>- Nêu được vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở trường.</li> <li>- Thực hiện được việc tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở trường.</li> </ul>		
25, 26	1,2		Tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở công cộng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở công cộng.</li> <li>- Nêu được vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở công cộng.</li> </ul>		

				- Thực hiện được việc tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở công cộng.		
27, 28	1,2	Tuân thủ quy định nơi công cộng	Tìm hiểu quy định nơi công cộng	- Nêu được một số qui định cần tuân thủ ở nơi công cộng.		
29, 30	1,2		Em tuân thủ quy định nơi công cộng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được việc vì sao tuân thủ quy định nơi công cộng.</li> <li>- Thực hiện được hành vi phù hợp tuân thủ quy định nơi công cộng.</li> <li>- Đồng tình với những lời nói, hành động tuân thủ quy định nơi công cộng, không đồng tình với lời nói, hành động vi phạm quy định nơi công cộng.</li> </ul>		